CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH ĐIỆN BIÊN
HẠT KIỂM LÂM ĐIỆN BIÊN PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 473/TB-HKL

Điện Biên Phủ, ngày 04 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc giao, điều chuyển gỗ cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về trình tự, thủ tục xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

Hạt Kiểm lâm Điện Biên Phủ đang xây dựng phương án xử lý gỗ được xác lập quyền sở hữu toàn dân (có Bảng kê lâm sản kèm theo) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đề nghị cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh, gửi văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản là gỗ theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT, trong đó nêu rõ số lượng, khối lượng, loài gỗ *(có Bảng kê lâm sản kèm theo)* về Hạt Kiểm lâm Điện Biên Phủ trước ngày 12 tháng 11 năm 2026 theo địa chỉ: Tổ 7 tháng 5, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Liên hệ: Ông Nguyễn Đình Quyền, SĐT: 0966.272.482.

Yêu cầu cơ quan, đơn vị cam kết sử dụng tài sản được bàn giao, điều chuyển phải sử dụng theo đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao./.

Nơi nhận:
- Trung tâm TTHN - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HS.

HẠT TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
HẠT KIỂM LÂM ĐIỆN BIÊN PHỦ
CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lò Văn Thành

Mẫu số 01/TT số 84/2025/TT-BNNMT

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH ĐIỆN BIÊN
HẠT KIỂM LÂM ĐIỆN BIÊN PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2026/BKLS

Tờ số: 01 Tổng số tờ: 01

BẢNG KÊ LÂM SẢN

Mã QR[3]

1. Thông tin chủ lâm sản:
- Tên chủ lâm sản: Hạt Kiểm lâm Điện Biên Phủ
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/HC: .....
- Địa chỉ: Tổ 7 tháng 5, phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên
- Số điện thoại: 0869.549.620 , Địa chỉ Email:

2. Thông tin tổ chức, cá nhân mua/nhận chuyển giao quyền sở hữu: Không

3. Thông tin về lâm sản:
- Tên loài: Gỗ Muồng Đen
- Nhóm loài: Gỗ nhóm I.
- Nguồn gốc: Tang vật gỗ vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định số 607/QĐ-XPHC ngày 30 tháng 10 năm 2026 Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Điện Biên Phủ về xử phạt vi phạm hành chính;
- Mã HS (áp dụng đối với lâm sản nhập khẩu, xuất khẩu): .....
- Giá trị (nếu có): **7.904.000** đồng. *(Bảy triệu chín tẳm linh bốn nghìn đồng chẵn)*
- Khối lượng/trọng lượng (bằng số và chữ), Đơn vị tính (m^3, kg, ster, lít, mililit): 1,976 m^3 (một phẩy chín bảy sáu mét khối).
- Số lượng; đơn vị tính: 35 lóng, khúc.
- Thông tin về lô khai thác: Không
- Thông tin khác có liên quan (nếu có): Không

4. Thông tin chi tiết tại Bảng kê Khai kèm theo

5. Thông tin vận chuyển (nếu có): Không

6. Hồ sơ kèm theo (nếu có): Không

Chúng tôi cam kết những nội dung kê khai trong bảng kê này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực của thông tin./.

Điện Biên Phủ, ngày 04 tháng 11 năm 2026

HẠT TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
HẠT KIỂM LÂM ĐIỆN BIÊN PHỦ
CHI CỤC KIỂM LÂM-T.ĐIỆN BIÊN

Lò Văn Thành

Mẫu số 01/TT số 84/2025/TT-BNNMT

BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Bảng kê lâm sản Số: 02/2026/BKLS ngày 04/11/2026 của Hạt Kiểm lâm Điện Biên Phủ)

1. Thông tin chi tiết đối với gỗ nguyên liệu:

TT	SH/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tấm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m^3 hoặc kg)	Ghi chú
		Tên tiếng việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính hoặc chiều dày (cm)			
1		Muồng Đen			I	1,0		14	1	0.015	
2		Muồng Đen			I	1,0		20	1	0.031	
3		Muồng Đen			I	1,0		20	1	0.031	
4		Muồng Đen			I	1,0		22	1	0.038	
5		Muồng Đen			I	1,0		22	1	0.038	
6		Muồng Đen			I	1,0		22	1	0.038	
7		Muồng Đen			I	1,0		22	1	0.038	
8		Muồng Đen			I	1,0		24	1	0.045	
9		Muồng Đen			I	1,0		24	1	0.045	
10		Muồng Đen			I	1,0		24	1	0.045	
11		Muồng Đen			I	1,0		24	1	0.045	
12		Muồng Đen			I	1,0		24	1	0.045	
13		Muồng Đen			I	1,0		24	1	0.045	
14		Muồng Đen			I	1,0		24	1	0.045	
15		Muồng Đen			I	1,0		24	1	0.045	
16		Muồng Đen			I	1,0		24	1	0.045	
17		Muồng Đen			I	1,0		24	1	0.045	
18		Muồng Đen			I	1,0		26	1	0.053	
19		Muồng Đen			I	1,0		26	1	0.053	
20		Muồng Đen			I	1,0		26	1	0.053	
21		Muồng Đen			I	1,0		26	1	0.053	
22		Muồng Đen			I	1,0		26	1	0.053	
23		Muồng Đen			I	1,0		26	1	0.053	
24		Muồng Đen			I	1,0		28	1	0.062	
25		Muồng Đen			I	1,0		28	1	0.062	

TT	SH/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tấm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m^3 hoặc kg)	Ghi chú
		Tên tiếng việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính hoặc chiều dày (cm)			
26		Muồng Đen			I	1,0		30	1	0.071	
27		Muồng Đen			I	1,0		32	1	0.080	
28		Muồng Đen			I	1,0		32	1	0.080	
29		Muồng Đen			I	1,0		33	1	0.086	
30		Muồng Đen			I	1,0		33	1	0.086	
31		Muồng Đen			I	1,0		33	1	0.086	
32		Muồng Đen			I	1,0		33	1	0.086	
33		Muồng Đen			I	1,0		33	1	0.086	
34		Muồng Đen			I	1,0		34	1	0.091	
35		Muồng Đen			I	1,0		36	1	0.102	
Tổng										**1,976**	